TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN S** **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tư do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 18-02-2025
V/v: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S - TỈNH LÀO CAI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Bình Trọng
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Hà Đức Sơn;
2. Bà Hoàng Thị Dín.
- ***Thư ký phiên toà***: Ông Trịnh Ngọc Long - Thư ký Toà án nhân dân huyện S, tỉnh Lào Cai.
- ***Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa***: Ông Tráng A Đạt - Kiểm sát viên.
Ngày 18 tháng 02 năm 2025 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện S, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 54/2024/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 11 năm 2024 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 05 tháng 02 năm 2025; giữa các đương sự:
1. Nguyên đơn: Chị L T D, sinh năm 2001.
Địa chỉ nơi cư trú: Thôn S S P, xã S C, huyện S, tỉnh Lào Cai;
Địa chỉ để Tòa án liên hệ: Thôn C L C, xã Q H T, huyện S, tỉnh Lào Cai - Có mặt.
2. Bị đơn: Anh G A P, sinh năm 2000.
Địa chỉ nơi cư trú: Thôn Thôn S S P, xã S C, huyện S, tỉnh Lào Cai - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Đơn khởi kiện của chị L T D đề ngày 29/10/2024, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị D trình bày: Chị và anh P về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2017, tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 19/01/2021 tại UBND xã S C, huyện S, tỉnh Lào Cai. Quá trình chung sống do bất đồng quan điểm và làm ăn phát triển kinh tế gia đình nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau. Do mâu thuẫn với nhau nên anh P đã đánh chị nhiều lần, cụ thể nhất là vào khoảng tháng 6, tháng 7 năm 2023 khi chị và anh P đi làm ăn tại Hải Phòng thì anh P đã đánh chị nhiều lần, có lần sưng hết cả mặt, sự việc anh P đánh chị có anh L S L sinh năm

1997, trú tại thôn C L C, xã Q H T, huyện S, tỉnh Lào Cai chứng kiến. Ngoài ra năm 2022 được sự đồng ý của anh P cùng gia đình chị đi làm thuê công việc may quần áo bên Trung Quốc nhưng anh P cho rằng chị có quan hệ bất chính với người đàn ông khác nên anh P lại đánh chị. Lần gần đây nhất vào tháng 9 năm 2024, khi anh P gọi điện cho gái chị có nói anh P thì anh P tiếp tục đánh chị, do mâu thuẫn vợ chồng nên từ tháng 8 năm 2024 chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại thôn C L C, xã Q H T, huyện S có đưa cháu G T K L đi cùng và do chị trực tiếp nuôi dưỡng cháu từ đó đến nay. Ngoài ra anh P không chịu khó làm ăn, suốt ngày lêu lổng và toàn đi chơi gái ở ngoài, chị nhắc nhở thì anh P đánh chị, vào đầu tháng 12/2024 anh P có đến nhà bố mẹ đẻ chị với mục đích đòi lại điện thoại của chị vì anh P cho rằng điện thoại đó là của anh P mua nhưng chị không đồng ý vì tiền mua chiếc điện thoại đó là tiền của cả hai vợ chồng đi làm ở Hải Phòng tích luỹ mua được, nhưng anh P không nghe và giật điện thoại của chị, chị dâu chị có vào can ngăn thì anh P đánh chị dâu chảy máu ở mặt và đầu phải đến bệnh viện huyện S cấp cứu và khâu 04 mũi. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng xảy ra ngày càng trầm trọng không thể khắc phục được, bản chất của anh P quá côn đồ hung hãn, ham chơi bời không chịu khó làm ăn, chửi mắng đánh đập chị nhiều lần nên chị cương quyết đề nghị Toà án xem xét giải quyết ly hôn với anh G A P.

- Về con, nuôi con khi ly hôn: Chị và anh Phử có 02 con chung là cháu G T L N sinh ngày 02/02/2018 và cháu G T K L sinh ngày 09/9/2022 cả hai cháu khỏe mạnh phát triển bình thường. Hiện tại vợ chồng sống ly thân cháu L hiện đang trực tiếp ở cùng với chị do chị chăm sóc và nuôi dưỡng. Khi ly hôn nguyện vọng của chị là được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu L cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, giải quyết cho anh P được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu N cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. Chị và anh P đều là lao động chính, làm nghề lao động tự do có thu nhập.

- Về quan hệ tài sản, về quyền và nghĩa vụ tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Đề nghị của bị đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh P trình bày về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh, địa điểm đăng ký kết hôn theo chị D trình bày là hoàn toàn đúng. Đối với mâu thuẫn vợ chồng thì vào đầu năm 2023 anh trông cháu lớn G T L N nằm viện thì chị D cặp bồ với người khác, khi anh yêu cầu thì hai vợ chồng anh bồ của chị D đã đến nhà anh xin lỗi và bồi thường cho gia đình anh số tiền 2.500.000 đồng nên đã làm anh bị ảnh hưởng tâm lý và từ đó có hơi vô tâm với vợ con, tình cảm vợ chồng không được như lúc đầu, nhưng vì con cái nên khi đó anh đã bỏ qua. Sau đó vợ chồng hay cãi chửi và đánh nhau, mỗi lần cãi nhau chị D đều bỏ đi và đòi ly hôn. Nay chị L T D cương quyết ly hôn thì phải trả cho anh ½ số tiền sính lễ cưới mà nhà anh bỏ ra 27.000.000 đồng: 2 là 13.500.000 đồng (mười ba triệu năm trăm nghìn đồng). Nếu chị D không trả cho anh số tiền 13.500.00 đồng thì anh không đồng ý ly hôn chị L T D.

- Về con chung, nuôi con khi ly hôn: Anh chị có 02 con chung là cháu G T L N sinh ngày 02/02/2018 và cháu G T K L sinh ngày 09/9/2022 cả hai cháu khỏe mạnh phát triển bình thường. Trường hợp ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu N cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, giải quyết cho chị D được trực tiếp trông nom, chăm sóc và giáo dục cháu L cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. Cả anh và chị D đều làm nghề lao động tự do có thu nhập.

- Về quan hệ tài sản, về quyền và nghĩa vụ tài sản: Tại bản tự khai anh P trình bày nếu chị D nhất quyết ly hôn anh thì phải trả cho anh tiền sính lễ cưới, biên bản hòa giải anh P không có yêu cầu sau khi kết thúc hòa giải đã được thông qua không ký biên bản và tự ý bỏ về.

3. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

3.1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại các Điều 28, 35, 39; xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68; xác minh thu thập chứng cứ, giao nhận, tiếp cận, công khai chứng cứ đúng quy định tại các Điều từ 93 đến Điều 97. Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196. Thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

3.2. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56; các Điều 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ QH xét xử theo hướng:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho chị L T D được ly hôn với anh G A P.

- Về nuôi con khi ly hôn: Giao cháu G T L N sinh ngày 02/02/2018 cho anh G A P được trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu G T K L sinh ngày 09/9/2022 cho chị L T D được trực tiếp nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

- Tuyên án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

3. 3. Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm pháp luật: Không

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Chị D kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh P, anh P có địa chỉ nơi cư trú tại xã S C, huyện S do vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện S theo quy định tại Điều 28, 35, 39

của Bộ Luật tố tụng dân sự. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 05/02/2025 cả nguyên đơn và bị đơn đều có mặt, sau khi Tòa án thông qua nội dung hai biên bản cho các đương sự nghe, nhưng bị đơn Phừ không ký biên bản bỏ về nên Tòa án lập biên bản về việc bị đơn không ký biên bản và giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Anh chị về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2017, tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 19/01/2021 tại UBND xã S C, huyện S, tỉnh Lào Cai. Quá trình chung sống ban đầu tình cảm giữa anh chị hòa thuận, hạnh phúc và đã có với nhau 02 con chung. Do kinh tế gia đình gặp khó khăn, chị D có sang Trung Quốc làm thuê, năm 2023 vợ chồng về Hải Phòng làm thuê và do ghen tuông anh P đánh đập chị D nhiều lần và vợ chồng đang sống ly thân với nhau. Đến nay giữa chị L T D và anh G A P không còn tình nghĩa vợ chồng thể hiện vợ chồng không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, sống mỗi người một nơi, ly thân, bỏ mặc nhau. Từ những điều đó thể hiện hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình để giải quyết.

[3]. *Về nuôi con khi ly hôn*: Nguyện vọng của chị D là được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu G T K L sinh ngày 09/9/2022, giải quyết để anh P được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu G T L N sinh ngày 02/02/2018 cho đến khi cháu L và cháu N đủ 18 tuổi không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn. Ý kiến của anh P trình bày trường hợp ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc và giáo dục cháu N cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, giải quyết cho chị D được trực tiếp trông nom, chăm sóc và giáo dục cháu L cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét đến quyền lợi về mọi mặt của con và nguyện vọng của các đương sự, cháu G T K L sinh ngày 09/9/2022 nay chưa đủ 36 tháng tuổi theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình nên giao cháu L cho chị L T D và giao cháu G T L N cho anh G A P mỗi người được trực tiếp nuôi một con khi ly hôn là phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình, các quy định khác của pháp luật.

[4]. *Về tài sản chung*: Anh P có nguyện vọng gia đình nhà chị D phải trả chị anh ½ số tiền sính lễ cưới nhà anh bỏ ra 27.000.000 đồng: 2 là 13.500.000 đồng. Xét thấy đây là tiền sinh lễ, không phải khoản tiền vay nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[5]. *Về cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn*: Cả chị L T D và anh G A P đều có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu bên kia phải cấp dưỡng; xét chị D và anh P đều là lao động chính nhưng là lao động tự do không xác nhận được mức thu nhập cụ thể, chị D và anh P cùng yêu thương quan tâm đến các con, cả chị D và anh P làm nghề lao động tự do có thu nhập, đảm bảo trực tiếp nuôi dưỡng một người con. Hiện tại chị D đang phải nuôi con nhỏ khi cháu lớn hơn sẽ đi làm thuê nên Hội đồng xét xử không buộc chị D hoặc anh P phải cấp dưỡng nuôi con vẫn đảm bảo cho sự phát triển bình thường của các cháu và phù hợp với ý chí của các đương sự.

[6]. *Về nghĩa vụ chịu án phí*: Chị L T D phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình theo quy định tại Nghị Quyết số 326/2026/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56; Điều 81; khoản 1,3 Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu phí, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị L T D được ly hôn với anh G A P.

Quan hệ hôn nhân giữa chị L T D và anh G A P chấm dứt kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. *Về nuôi con khi ly hôn*: Xử giao cháu G T K L sinh ngày 09/9/2022 cho chị L T D được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi; giao cháu G T L N sinh ngày 02/02/2018 cho anh G A P được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Chị D và anh P không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. *Về án phí*: Chị L T D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001907 ngày 07/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Lào Cai. Chị L T D đã nộp đủ tiền án phí.

4. *Quyền kháng cáo đối với bản án*: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh;
- VKS ND H. S (2);
- Chi cục THADS H. S;
- UBND xã S C,
huyện S, tỉnh Lào Cai;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký và đóng dấu

- Các đương sự (2);
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án, VP.

Trần Bình Trọng